

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST.

Ngày 07-7-2017.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại Trường tiểu học A thuộc ấp L1, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐXXST -HNGĐ ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lâm Hoàng T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp A1, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lâm Hoàng T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị P chung sống với nhau từ ngày 01/02/2002, không có đăng ký kết hôn. Anh và chị P sống cùng gia đình bên chị P đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân cho đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn đối với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có hai con chung tên Lâm Thanh M sinh ngày 31/3/2003 và Lâm Thanh B sinh ngày 31/3/2003, hiện đang sống với chị P. Anh đồng ý giao hai con cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của anh T về hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị P; về con chung: Giao chị P tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu M và B, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh T và chị P chung sống với nhau từ ngày 01/02/2002 nhưng không đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P là không hợp pháp. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị P là phù hợp với khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Cháu Lâm Thanh M sinh ngày 31/3/2003 và Lâm Thanh B sinh ngày 31/3/2003 hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn chị P và anh T cùng nguyện vọng giao chị P tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu M và B. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện nuôi con của chị P bảo đảm

cho sự phát triển bình thường của các cháu nên giao chị P tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu M và B là phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Chị P yêu anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng, anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên ghi nhận.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Anh T là nguyên đơn và người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lâm Hoàng T và chị Nguyễn Thị P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lâm Thanh M sinh ngày 31/3/2003 và cháu Lâm Thanh B sinh ngày 31/3/2003 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M, cháu B mỗi tháng mỗi cháu số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu M, cháu B đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lâm Hoàng T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng và về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008902 ngày 31/5/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Trường